TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/DS-PT
Ngày: 20. 04. 2022.
V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Trang.
Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Anh Trang và bà Trần Thị Dịu.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 48/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXPT-DS ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim X** - sinh năm 1960; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trịnh Văn H, Luật sư Nguyễn Lê Thanh K - Chi nhánh văn phòng luật sư G, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

Địa chỉ: đường L, Tổ N, Ấp C, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T1** - sinh năm 1958. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông **Đặng Thanh L** - sinh năm 1952; Có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2/. Ông **Nguyễn Thế H** - sinh năm 1952; Vắng mặt.

3/. Bà **Đặng Thị P** - sinh năm 1961; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố H, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4/. Bà **Nguyễn Thị T2** - Sinh năm 1979. Có mặt.

5/. Ông **Bùi Hữu C** - Sinh năm 1967; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Bà **Trần Thị Kim X** - Nguyên đơn: Ông **Đặng Thanh L** - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Kim X trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là nằm trong 1.500 m^2 đất của ông Nguyễn Thế H được Ủy ban nhân dân xã P (nay là UBND xã C) cấp đất cho ông H theo Đơn xin đất thổ cư ngày 24/12/1994 có UBND xã P ký xác nhận, phần diện tích đất này hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chồng bà tên Đặng Thanh L là anh ruột của bà Đặng Thị P vợ ông Nguyễn Thế H. Năm 2008, vợ chồng bà và vợ chồng bà P đã tự thỏa thuận đổi 01 căn nhà từ đường của cha mẹ ông L, bà P là bà Lê Thị N (chết năm 2020) và bà được quyền sử dụng 1.500 m^2 đất ông H đã được UBND xã P cấp nêu trên. Cụ thể nội dung hai bên thỏa thuận: Vợ chồng ông H đổi 1.500 m^2 đất ông H được UBND xã P cấp năm 1994 cho vợ chồng bà để vợ chồng bà để nhận căn nhà từ đường của cha mẹ. Vợ chồng bà đưa thêm cho ông H bà P số tiền khoảng 17.000.000 đồng là tiền chênh lệch. Hai bên đã hoàn tất thỏa thuận và sử dụng đất ổn định liên tục từ năm 2008 đến nay. Thực tế việc hai bên thỏa thuận bằng miệng không làm giấy tờ nhưng bà có lập Giấy sang nhượng đất ngày 25/9/2008 để cung cấp cho Tòa án. Việc bà lập giấy sang nhượng chỉ để hợp thức hóa có việc đổi đất giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông H, bà P. Khi về sử dụng đất vào năm 2008 bà có rào ranh đất bằng gai xương rồng, không canh tác trên đất và bỏ trống. Đến năm 2019 bà mới biết bà Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T2 xây nhà trên đất của bà.

Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 phải trả lại cho vợ chồng ông bà diện tích đất lấn chiếm có diện tích 576m^2 thuộc thửa đất số 34, tờ bản đồ địa chính số 17, xã C, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Nay bà xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T2, ông Bùi Hữu C trả lại diện tích đất lấn chiếm là 487 m^2 Theo trích lục đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 31/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận Chi nhánh Thuận Nam bao gồm phần diện tích 186 m^2 được giới hạn bởi các điểm (1,19, 18,17) có diện tích 106 m^2 và phần 80 m^2 được giới hạn bởi các điểm (16,17,18, 19, 20, 21) cùng thuộc thửa số 26 và 301 m^2 được giới hạn bởi các điểm (13, 14, 15, 16, 21, 22, 23, 6, 25, 24) thuộc thửa đất số 34.

Nội dung vợ chồng bà với vợ chồng ông H thỏa thuận tại Giấy sang nhượng đất ngày 25/9/2008 bà không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí định giá tài sản: yêu cầu chia đôi, bị đơn nguyên đơn mỗi bên chịu một nửa. Về án phí bà yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Đối với diện tích đất 10m^2 thuộc Thửa 34a, TBĐ số 17 xã C đã được UBND huyện Thuận Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Mai, bà Lành hiện nay do vợ chồng bà T2 đang sử dụng thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Việc UBND huyện Thuận Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông M, bà L đối với phần diện tích do bà chỉ đo là (11,12,25,26) diện tích 53m^2 và (12,13,24,25) diện tích 10m^2 thì bà sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ việc độc lập; Đối với các phần diện tích đất gồm: Diện tích đất (2,3,4) thuộc Thửa 27 diện tích 19m^2 nằm bên kia bờ suối, không nằm trong diện tích đất bà tranh chấp với bà T, bà T2; Phần đất mà bà T, bà T2 sử dụng lấn suối là đất của UBND xã Cà Ná quản lý; Một phần Thửa đất số 34, tờ Bản đồ số 17 xã C là đất trống do bà quản lý và phần đất trống bà quản lý lấn đường thì bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích 487m^2 đất được giới hạn được bởi các điểm: (1,19,18,17) thuộc thửa số 26, diện tích 106m^2; (16,17,18,19,20,21) thuộc thửa 26, diện tích 80m^2 và (13,14,15,16,21,22,23,6,24,24) thuộc một phần Thửa 34 diện tích 301m^2 mà là X tranh chấp nằm trong khoảng 1000 m^2 đất do bà khai phá từ năm 1992. Việc khai phá không xin phép chính quyền địa P, chỉ có ông Lưu Ngọc Â (đã chết) khi đó là Trưởng thôn cho phép bà khai hoang và ông Hoàng Ngọc B (địa chỉ: L, C, T) chỉ đất cho bà khai khoang vì ông B cho rằng đất này của ông nên ông chỉ bà khai hoang. Sau khi khai hoang đất, bà đã trồng cây me, cây dựa trên đất, có dựng một căn nhà gỗ, vách cốt vào năm 1992 để ở. Đến năm 1996, bà đã xây dựng dãy chuồng heo để chăn nuôi từ đó đến nay. Năm 2015 thì Nhà nước thu hồi một phần đất nên bà tháo dỡ căn nhà gỗ, vách cốt này, phần đất còn lại của bà là 487m^2 mà bà X hiện đang tranh chấp. Năm 2016, bà xây căn nhà hiện nay để ở trên 487m^2 đất tranh chấp này. Sau đó khoảng một tháng, bà có cho vợ chồng em gái bà là bà Nguyễn Thị T2, ông Bùi Hữu C xây dựng căn nhà giáp căn nhà của bà cũng nằm trong 487m^2 đất này.

Vì vậy, bà không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim X. Đối với phần đất gia đình bà lấn suối là đất của UBND xã C quản lý, khi nào xã thu hồi thì bả đồng ý trả lại.

Quá trình tố tụng, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh L trình bày: Ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tranh chấp gì về việc đổi đất với vợ chồng ông H, bà P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày: Năm 2016, bà được chị bà là Nguyễn Thị T1 cho phần đất để xây dựng căn nhà nằm trong 487m^2 đất mà bà X đang tranh chấp. Phần đất bà cất nhà tiếp giáp với phần đất trống mà ông L, bà X cho rằng đang quản lý. Vì vậy, bà đồng ý toàn bộ nội dung trình bày của bà T, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà X. Đối với diện tích đất 10m^2 được giới hạn bởi các điểm (12,13,24,25) thuộc thửa 34a, TBĐ số 17 xã C đã được UBND

huyện Thuận Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông M, bà L thì bà đồng ý trả lại cho ông M, bà L khi họ có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hữu C trình bày: Ông đồng ý với toàn bộ nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị T2. Ông có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế H, bà Đặng Thị P trình bày:

Vợ chồng ông, bà đồng ý về nguồn gốc đất tranh chấp do bà X trình bảy. Vợ chồng ông bà đã đổi 1.500 m^2 đất theo Đơn xin đất thổ cư ngày 24/12/1994 cho vợ chồng bà X, ông L nên vợ chồng bà X, ông L được quyền quyết định đối với diện tích đất tranh chấp này. Từ năm 1994 đến năm 2008, sau xin cấp đất thì vợ chồng ông bà không trồng trọt, canh tác trên đất và bỏ trống đến năm 2008. Vợ chồng ông bà không khiếu nại, không tranh chấp gì về việc đổi đất với vợ chồng bà X, ông L. Vợ chồng ông bà không yêu cầu giải quyết giao dịch đổi đất trong vụ án này, đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà X.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam đã tuyên xử như sau:

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 166 Bộ luật dân sự. Điều 100, Điều 203 của Luật đất đai. Điều 91 của Nghị định 43/2014/NĐ – CP của Chính phủ. Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim X về việc đòi quyền sử dụng 487m^2 đất lẫn chiếm, được giới hạn bởi (1,19,18,17) thuộc Thửa 26, diện tích 106 m^2; (16,17,18,19,20,21) thuộc Thửa 26, diện tích 80 m^2 và (13,14,15,16,21,22,23,6,25,24) thuộc một phần Thửa 34 diện tích 301 m^2 theo Trích lục bản đồ địa chính số 388 ngày 31 /3/ 2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam.

Ngoài ra còn tuyên về án phí và điều kiện thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2021 nguyên đơn bà Trần Thị Kim X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, cụ thể yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, ông Bùi Hữu C, tháo dỡ nhà, chuồng heo, cây trồng trên đất để trả lại cho gia đình bà 487m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 26 và một phần thửa đất số 34 - tờ bản đồ số 17, xã C, huyện Thuận

Nam. Trường hợp không sửa được bản án sơ thẩm theo hướng trên thì đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định yêu cầu kháng cáo là: Hủy bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Trịnh Văn H, Nguyễn Lê Thanh K tranh luận:

Đề nghị hủy bản án sơ thẩm do chưa điều tra, thu thập chứng cứ đầy đủ để xác định ai là người sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và sử dụng từ năm nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn tranh luận: đề nghị bác yêu cầu đòi đất của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo ngày 28/9/2021 của bà Trần Thị Kim X và ông Đặng Thanh L làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

[1.2] Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác ông Bùi Hữu C, ông Nguyễn Thế H có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh L không rút đơn kháng cáo.

[2] Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết của vụ án *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là có căn cứ.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: diện tích đất đang tranh chấp là đất của ông Nguyễn Thế H được UBND xã P (nay là xã C) được cấp năm 1994 theo Đơn xin đất thổ cư ngày 24/12/1994 với diện tích khoảng 1.500m^2 đến năm 2008 thì hoán đổi diện tích đất này cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim X và ông Đặng Thanh L nH không lập hợp đồng đổi đất. Ông H không canh tác, quản lý đất từ năm 1994 đến khi đổi đất cho vợ chồng bà vào năm 2008 và đất chưa được đăng ký kê khai tại chính quyền địa P và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.2] Xét thấy:

[3.2.1] Ủy ban nhân dân xã P xác nhận đồng ý cấp đất cho ông H năm 1994 là giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật đất đai: Tại Công văn số 1651/UBND NC ngày 31/5/2021 của UBND huyện Thuận Nam cũng khẳng định việc Chủ tịch UBND xã P ký xác nhận ngày 25/12/1994 đồng ý cấp đất thổ cư cho ông H trong Giấy xin đất thổ cư ghi ngày 24/12/1994 của ông Nguyễn Thế H là không hợp pháp. Hộ ông H cũng chưa thực hiện việc kê khai đăng ký đất đai theo pháp luật. Căn cứ hồ sơ địa chính xã P (nay tách thành xã C) được đo đạc thành lập năm 1997 thì diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 26 và một phần thửa 34, cùng tờ bản đồ số 17 xã C là đất do UBND xã quản lý (BL 90).

[3.2.2] Tại phiên tòa, bà Đặng Thị P là vợ ông Nguyễn Thế H xác nhận từ khi cấp đất cho ông H diện tích đất tranh chấp này năm 1994 thì vợ chồng bà bỏ đất trống, không canh tác gì trên đất, chỉ trồng cây xương rồng giáp ranh khu đất, vợ chồng bà cũng không đi đăng ký, kê khai với cơ quan quản lý đất đai tại địa P và đất cũng chưa được cấp sổ đỏ. Năm 2008 thì vợ chồng bà đổi đất cho vợ chồng bà X ông L.

[3.2.3] Bà X, ông L cũng trình bày từ khi nhận đổi đất từ ông H năm 2008 thì vợ chồng ông bà cũng bỏ đất trống đến nay, không canh tác gì vì đi làm biển, đến năm 2019 thì phát hiện bà T, vợ chồng bà T2, ông C lấn đất.

[3.2.4] Theo quy định tại Điều 184 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP: *Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 người sử dụng đất phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới được thực hiện các quyền về chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất*.

Xét thấy: Ông H không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Công văn số 1651/UBND NC ngày 31 /5/ 2021 của UBND huyện Thuận Nam khẳng định: việc Chủ tịch UBND xã Phước Diêm ký xác nhận ngày 25/12/1994 đồng ý cấp đất thổ cư cho ông H theo đơn của ông H là không hợp pháp. Vì vậy, ông H không có quyền sử dụng đất và theo quy định tại Điều 184 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP ông H không có quyền đổi diện tích đất tranh chấp này cho vợ chồng bà X năm 2008.

[3.2.5] Xét tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ huỷ bản án sơ thẩm.

[4] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo và tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và nguyên đơn; Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam.

Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về chi phí đo đạc và định giá tài sản: Do không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc và định giá tài sản. Nguyên đơn đã nộp đủ.

Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên bố: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Kim X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 184 của Nghị định 181/2004/NĐ - CP của Chính phủ; Điều 100, Điều 203 của Luật đất đai; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim X về việc đòi quyền sử dụng 487m^2 đất lẫn chiếm, được giới hạn bởi (1,19,18,17) thuộc Thửa 26, diện tích 106 m^2; (16,17,18,19,20,21) thuộc Thửa 26, diện tích 80 m^2 và (13,14,15,16,21,22,23,6,25,24) thuộc một phần Thửa 34 diện tích 301 m^2 theo Trích lục bản đồ địa chính số 388 ngày 31/3/ 2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Ninh Thuận - Chi nhánh Thuận Nam.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim X, ông Đặng Thanh L được miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim X 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023521 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim X, ông Đặng Thanh L 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023717 ngày 28/9/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận do bà Trần Thị Kim X nộp.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(*Kèm theo Trích lục số 338/2021 ngày 31/3/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, Chi nhánh Thuận Nam*)

Nơi nhận:
- Đương sự (8);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Thuận Nam (1);
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Trang